

Số: /2026/QĐ-CTUBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Quyết định số /2026/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo số ...../BC-SNNMT ngày ...../...../2026 và Tờ trình số ...../TTr-SNNMT ngày ...../...../2026;*

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi-  
Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành  
pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Công nghệ và Cổng TTĐT tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NNMT.

**CHỦ TỊCH**

**Đỗ Hữu Huy**

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong quản lý công trình  
thủy lợi trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-CTUBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phân cấp phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi; phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi; cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; phê duyệt kế hoạch bảo trì, Đề án cho thuê quyền khai thác, Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối với các công trình, hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng các nguồn vốn khác, việc tổ chức quản lý công trình thủy lợi do chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) quyết định theo quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn, sử dụng có hiệu quả.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) được phân cấp; các đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình thủy lợi là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi bao gồm đập, hồ chứa nước, cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi

và công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi.

2. *Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi* gồm công trình thủy lợi, diện tích đất gắn với công trình thủy lợi (riêng lòng hồ chứa thủy lợi gồm diện tích đất, mặt nước gắn với công trình được xác định từ cao trình mực nước dâng bình thường trở xuống) và tài sản khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

3. *Quy trình vận hành công trình thủy lợi* (sau đây gọi là quy trình vận hành) là văn bản quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, tổ chức thực hiện, trình tự vận hành các công trình thủy lợi thuộc hệ thống công trình thủy lợi, đảm bảo hệ thống công trình thủy lợi vận hành an toàn, đúng nhiệm vụ thiết kế, phù hợp với điều kiện nguồn nước và phân phối nước tiết kiệm, hiệu quả, hài hoà lợi ích giữa các nhu cầu sử dụng nước.

4. *Cơ quan chuyên môn về thủy lợi* là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi.

5. *Doanh nghiệp quản lý tài sản* là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. *Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh* là cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. *Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã* là cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

## **Chương II**

### **THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, CÔNG BỐ CÔNG KHAI QUY TRÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

#### **Điều 4. Thẩm định quy trình vận hành công trình thủy lợi**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành thuộc thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành đối với những công trình thủy lợi Ủy ban nhân dân cấp xã được phân cấp quản lý.

**Điều 5. Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành theo danh mục công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, trừ công trình thủy lợi nhỏ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành theo danh mục công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, trừ công trình thủy lợi nhỏ.

3. Đối với công trình thủy lợi nhỏ, tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác lập quy trình vận hành và công bố công khai theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Luật Thủy lợi và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT.

**Điều 6. Lập, ban hành và thực hiện quy trình vận hành công trình thủy lợi**

Việc lập, ban hành quy trình vận hành (yêu cầu, nội dung quy trình; trình tự, thủ tục lập, trình thẩm định, phê duyệt, công bố, các biểu mẫu liên quan) và việc tổ chức thực hiện quy trình vận hành thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT.

**Điều 7. Điều chỉnh quy trình vận hành công trình thủy lợi**

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT và Điều 11, Điều 12 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP.

**Chương III**

**PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

**Điều 8. Thẩm định phương án bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định phương án bảo vệ công trình thủy lợi đối với những công trình thủy lợi Ủy ban nhân dân cấp xã được phân cấp quản lý.

### **Điều 9. Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo danh mục công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, trừ công trình thủy lợi nhỏ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo danh mục công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, trừ công trình thủy lợi nhỏ.

3. Đối với công trình thủy lợi nhỏ, tổ chức, cá nhân khai thác quyết định phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Thủy lợi.

### **Điều 10. Trình tự, thủ tục phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP.

2. Phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi thực hiện rà soát, lập điều chỉnh phương án bảo vệ công trình thủy lợi sau 05 năm kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc khi có yêu cầu của chủ sở hữu công trình.

## **Chương IV**

### **CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH, ĐÌNH CHỈ, THU HỒI GIẤY PHÉP CHO CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

**Điều 11. Thẩm định cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định hồ sơ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định hồ sơ đối với những công trình thủy lợi Ủy ban nhân dân cấp xã được phân cấp quản lý.

**Điều 12. Cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo danh mục công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo danh mục công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

**Điều 13. Thời hạn, nội dung, trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

Thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 30, Điều 31 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP.

**Chương V**

**KẾ HOẠCH BẢO TRÌ, ĐỀ ÁN CHO THUÊ QUYỀN KHAI THÁC, ĐỀ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG CÓ THỜI HẠN QUYỀN KHAI THÁC, THU HỒI, ĐIỀU CHUYỂN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI**

**Điều 14. Lập kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản cấp tỉnh lập kế hoạch bảo trì thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã lập kế hoạch bảo trì đối với những công trình thủy lợi Ủy ban nhân dân cấp xã được phân cấp quản lý.

**Điều 15. Thẩm định kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với những công trình thủy lợi Ủy ban nhân dân cấp xã được phân cấp quản lý.

#### **Điều 16. Phê duyệt kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo danh mục công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo danh mục công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

#### **Điều 17. Lập Đề án cho thuê quyền khai thác, Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp tỉnh tổ chức lập hồ sơ thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã lập hồ sơ đối với những công trình thủy lợi Ủy ban nhân dân cấp xã được phân cấp quản lý.

#### **Điều 18. Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác, Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác, Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo danh mục công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác, Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo danh mục công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

#### **Điều 19. Lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản cấp tỉnh tổ chức lập hồ sơ thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã lập hồ sơ đối với những công trình thủy lợi Ủy ban nhân dân cấp xã được phân cấp quản lý.

### **Điều 20. Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo danh mục công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo danh mục công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

### **Điều 21. Lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản cấp tỉnh tổ chức lập hồ sơ thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã lập hồ sơ đối với những công trình thủy lợi Ủy ban nhân dân cấp xã được phân cấp quản lý.

### **Điều 22. Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong các trường hợp sau:

- a) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;
- b) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng từ cấp tỉnh sang cấp xã và ngược lại;
- c) Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giữa các xã, phường.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo danh mục công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và trong trường hợp điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

### **Điều 23. Trình tự, thủ tục thực hiện kế hoạch bảo trì, Đề án cho thuê, Đề án chuyển nhượng có thời hạn, thu hồi, điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**

1. Kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

2. Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

3. Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

4. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

5. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 74/2026/NĐ-CP.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 24. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, phường thực hiện; hướng dẫn nghiệp vụ cho UBND cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ được phân cấp; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã. Tổng hợp, báo cáo phát sinh vướng mắc, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

##### **2. Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã**

a) Có trách nhiệm thực hiện tốt các nội dung được Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp quản lý tại Quyết định này; trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện phải báo cáo kịp thời về Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, xử lý tháo gỡ.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 25. Quy định chuyển tiếp**

1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà chưa có kết quả thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Quyết định này.

2. Giấy phép cho các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đã được cấp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép.

3. Phương án bảo vệ công trình thủy lợi đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực, tiếp tục thực hiện đến khi có phương án bảo vệ công trình thủy lợi mới ban hành.

#### **Điều 26. Trách nhiệm thi hành**

1. Các văn bản được viện dẫn thực hiện trong Quy định này khi bị sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung chưa phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, thì các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung theo quy định./.